TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH LIÊU** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/KDTM-ST
Ngày: 26-3-2025
"V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH LIÊU - TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Thắng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lục Thanh Bình

2. Bà Châu Thị Yến

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Lục Văn Biên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh***: Ông Bùi Hoài Sơn - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 26 tháng 3 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 03/2024/TLST-KDTM ngày 13 tháng 12 năm 2024, về việc: "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXXST-KDTM ngày 13 tháng 02 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST-KDTM, ngày 10 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH 1 thành viên T. Người đại diện theo pháp luật: bà Vũ Thị L- Giám đốc; địa chỉ: thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền:

+ Ông Vũ Hữu H1, chức vụ: Cán bộ nghiệp vụ Công ty Luật hợp danh G; tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền số 0630/2024/GUQ-GV ngày 30/6/2024 và văn bản ủy quyền số 1112/2024/GUQ-GV của ông Vũ Hữu Q, chức vụ: Giám đốc Công ty Luật Hợp danh G. Ông H có mặt tại phiên tòa.

+ Ông Vũ Hữu H2; chức vụ: Cán bộ nghiệp vụ Công ty Luật hợp danh G; tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền số 1112/2024/GUQ-GV của ông Vũ Hữu Q, chức vụ: Giám đốc Công ty Luật Hợp danh G. Ông H2 có mặt tại phiên tòa.

Cùng địa chỉ: Số 03 Lô D, M, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

- Bị đơn: Công ty TNHH M. Người đại diện theo pháp luật: ông Trần Quyết T; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc; vắng mặt.

Địa chỉ trụ sở: khu B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1- Theo đơn khởi kiện ngày, bản tự khai, người đại diện theo ủy quyền lại tham gia tố tụng của nguyên đơn Công ty TNHH 1 thành viên T là ông Vũ Hữu H1 trình bày: ngày 01/01/2021, Công ty TNHH 1TV T có ký Hợp đồng mua bán vật liệu xây dựng số: 01/HĐKT-2021/TL-TT với Công ty TNHH M. Theo hợp đồng, Công ty TNHH M đồng ý mua một số vật tư, vật liệu xây dựng của Công ty TNHH 1TV T. Tháng 2/2023, Công ty TNHH 1TV T và Công ty TNHH M thống nhất lập bảng kê chi tiết khối lượng giao, nhận hàng lần cuối. Đến ngày 30/4/2023 Công ty TNHH 1TV T đã chốt biên bản đối chiếu công nợ với Công ty TNHH M, theo biên bản đối chiếu công nợ thì Công ty TNHH M còn nợ Công ty TNHH 1TV T số tiền là: 2.238.262.000đ (hai tỷ hai trăm ba mươi tám triệu hai trăm sáu mươi hai nghìn đồng). Theo biên bản đối chiếu công nợ, đến hết ngày 30/4/2023 Công ty TNHH M phải thanh toán số tiền hàng trên cho Công ty TNHH 1TV T. Tuy nhiên, kể từ ngày 30/4/2023 khi hai bên chốt biên bản đối chiếu công nợ đến nay, Công ty TNHH M vẫn chưa thanh toán số tiền mua bán vật tư, vật liệu xây dựng còn nợ cho Công ty TNHH 1TV T.

Do Công ty TNHH M vi phạm nghĩa vụ thanh toán dẫn đến việc Công ty TNHH 1TV T bị thiệt hại về mặt kinh tế. Vì vậy, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình Công ty TNHH 1TV T yêu cầu tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Đề nghị Công ty TNHH M phải trả đủ số tiền mua bán vật tư, vật liệu còn nợ là: 2.238.262.000đ (hai tỷ hai trăm ba mươi tám triệu hai trăm sáu mươi hai nghìn đồng).

- Đề nghị Công ty TNHH M trả tiền lãi chậm trả của số tiền mua bán vật liệu chưa thanh toán: 2.238.262.000đ (hai tỷ hai trăm ba mươi tám triệu hai trăm sáu mươi hai nghìn đồng) theo lãi suất tạm tính là 8%/năm (0.67%/tháng) kể từ ngày 30/4/2023 cho đến khi Tòa án giải quyết xong. Tiền lãi tạm tính đến hiện tại là 17 tháng, tương ứng số tiền: 254.938.000đ (hai trăm năm mươi bốn triệu chín trăm ba mươi tám nghìn đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: rút yêu cầu nghị Công ty TNHH M trả tiền lãi chậm trả của số tiền mua bán vật liệu chưa thanh toán: 2.238.262.000đ (hai tỷ hai trăm ba mươi tám triệu hai trăm sáu mươi hai nghìn đồng) theo lãi suất tạm tính là 8%/năm (0.67%/tháng) kể từ ngày 30/4/2023 cho đến khi Tòa án giải quyết xong. Tiền lãi tạm tính đến hiện tại là 17 tháng, tương ứng số tiền: 254.938.000đ (hai trăm năm mươi bốn triệu chín trăm ba mươi tám nghìn đồng)".

2- Người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty TNHH M: ông Trần Quyết T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc không có mặt tham gia tố tụng. Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự như Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Về tố tụng: đối với Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng, có nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ khi tham gia tố tụng, còn người đại diện theo pháp luật của bị đơn vắng mặt là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ khi tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về phần nội dung:

Hai bên đã giao kết hợp đồng mua bán hàng hóa tại Hợp đồng kinh tế (V/v mua bán vật liệu xây dựng) số 01/HĐKT-2021/TL-TT ngày 01/01/2021. Công ty TNHH 1TV T đã giao hàng cho Công ty TNHH M theo hợp đồng. Tháng 2/2023, hai bên lập bảng kê chi tiết khối lượng giao, nhận hàng lần cuối. Đến ngày 30/4/2023, hai bên đã chốt biên bản đối chiếu công nợ, xác nhận Công ty TNHH M còn nợ Công ty TNHH 1TV T số tiền là: 2.238.262.000đ (hai tỷ hai trăm ba mươi tám triệu hai trăm sáu mươi hai nghìn đồng). Theo biên bản đối chiếu công nợ, đến hết ngày 30/4/2023 Công ty TNHH M phải thanh toán số tiền hàng trên cho Công ty TNHH 1TV T. Tuy nhiên, đến nay Công ty TNHH M vẫn chưa thanh toán số tiền mua bán vật tư, vật liệu xây dựng còn nợ cho Công ty TNHH 1TV T. Do đó việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền mua bán hàng hóa còn nợ là 2.238.262.000 đồng là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với đề nghị của nguyên đơn về việc rút yêu cầu Công ty TNHH M trả tiền lãi chậm trả của số tiền mua bán vật liệu chưa thanh toán: 2.238.262.000 đồng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện theo đề nghị của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng, quan hệ pháp luật: Công ty TNHH 1TV T khởi kiện Công ty TNHH M liên quan đến hợp đồng mua bán hàng hóa được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Công ty TNHH M có trụ sở tại khu B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ninh cũng là nơi thực hiện hợp đồng, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Liêu theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 39 và điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty TNHH M: ông Trần Quyết T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị Công ty TNHH M phải trả đủ số tiền mua bán vật tư, vật liệu còn nợ là: 2.238.262.000đ (hai tỷ hai trăm ba mươi tám triệu hai trăm sáu mươi hai nghìn đồng), theo Hợp đồng kinh tế mua bán vật liệu xây dựng số 01/HĐKT-2021/TL-TT ngày 01/01/2021.

Căn cứ lời khai của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy: ngày 01/01/2021, Công ty TNHH 1TV T (Bên B) và Công ty TNHH M (Bên A) ký hợp đồng kinh tế số 01/HĐKT-2021/TL-TT, về việc mua bán vật liệu xây dựng gồm bây a, bây, đá, cát; thời gian giao nhận hàng hóa tại bãi tập kết vật lệu Công ty Tùng Thắng tại thị trấn Bình Liêu.

Tại biên bản đối chiếu công nợ giữa Công ty TNHH 1TV T (Bên B) và Công ty TNHH M (Bên A) từ ngày 01/4/2023 đến ngày 30/4/2023, thì Công ty TNHH M (Bên A) còn nợ Công ty TNHH 1TV T số tiền: 2.238.262.000đ (hai tỷ hai trăm ba mươi tám triệu hai trăm sáu mươi hai nghìn đồng). Tuy nhiên, kể từ ngày 30/4/2023 khi hai bên chốt biên bản đối chiếu công nợ đến nay, Công ty TNHH M vẫn chưa thanh toán số tiền mua bán vật tư, vật liệu xây dựng còn nợ cho Công ty TNHH 1TV T.

Phương thức thanh toán, tại khoản 4.2 Điều 4 của Hợp đồng kinh tế số 01/HĐKT-2021/TL-TT ngày 01/01/2021, hai bên cùng thỏa thuận; Bên A chuyển tiền cho bên B trước khi lấy hàng. Bên B cấp hàng cho bên A theo đơn đặt hàng. Căn cứ vào bảng xác nhận khối lượng cung cấp hàng tháng của hai bên, bên A thanh toán cho bên B 100% giá trị vật tư đã cung ứng trong tháng chậm nhất trong vòng 15 ngày của tháng tiếp theo.

Khoản 1 Điều 50 Luật Thương mại, quy định:

"1. Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng và nhận hàng theo thỏa thuận.

2. Bên mua phải tuân thủ các phương thức thanh toán, thực hiện việc thanh toán theo trình tự, thủ tục đã thỏa thuận và theo quy định của pháp luật".

Căn cứ các chứng cứ nêu trên có căn cứ xác định bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền mua bán vật liệu xây dựng là 2.238.262.000 đồng, do đó yêu cầu của nguyên đơn đòi bị đơn thanh toán tiền mua bán vật liệu xây dựng trên là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về yêu cầu đòi tiền lãi chậm trả của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền lãi chậm trả của số tiền mua bán vật liệu chưa thanh toán: 2.238.262.000đ (hai tỷ hai trăm ba mươi tám triệu hai trăm

sáu mươi hai nghìn đồng) theo lãi suất tạm tính là 8%/năm (0.67%/tháng) kể từ ngày 30/4/2023 cho đến khi Tòa án giải quyết xong. Tiền lãi tạm tính đến hiện tại là 17 tháng, tương ứng số tiền: 254.938.000đ (hai trăm năm mươi bốn triệu chín trăm ba mươi tám nghìn đồng). Ngày 06/3/2025, nguyên đơn đã rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: rút yêu cầu "đề nghị Công ty TNHH M trả tiền lãi chậm trả của số tiền mua bán vật liệu chưa thanh toán: 2.238.262.000đ (hai tỷ hai trăm ba mươi tám triệu hai trăm sáu mươi hai nghìn đồng) theo lãi suất tạm tính là 8%/năm (0.67%/tháng) kể từ ngày 30/4/2023 cho đến khi Tòa án giải quyết xong. Tiền lãi tạm tính đến hiện tại là 17 tháng, tương ứng số tiền: 254.938.000₫ (hai trăm năm mươi bốn triệu chín trăm ba mươi tám nghìn đồng)". Việc rút yêu cầu là tự nguyện, căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính lãi này.

[4]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Liêu có căn cứ chấp nhận.

[5]. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại có giá ngạch theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Trả lại nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6]. Quyền kháng cáo, kháng nghị: các đương sự được quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp được quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 244; khoản 1 Điều 147; Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 50 Luật Thương mại; Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2014; căn cứ điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, về việc: Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, về việc: Thanh toán tiền nợ.

Buộc Công ty TNHH M phải trả cho Công ty TNHH 1TV T số tiền mua bán vật tư, vật liệu còn nợ là: 2.238.262.000đ (hai tỷ hai trăm ba mươi tám triệu hai trăm sáu mươi hai nghìn đồng), theo Hợp đồng kinh tế (V/v mua bán vật liệu xây dựng) số 01/HĐKT-2021/TL-TT ngày 01/01/2021.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không trả cho người được thi hành án số tiền nêu trên, thì người phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH 1TV T, về việc: "buộc Công ty TNHH M trả tiền lãi chậm trả của số tiền mua bán vật liệu chưa thanh toán: 2.238.262.000đ (hai tỷ hai trăm ba mươi tám triệu hai trăm sáu mươi hai nghìn đồng) theo lãi suất tạm tính là 8%/năm (0.67%/tháng) kể từ ngày 30/4/2023 cho đến khi Tòa án giải quyết xong. Tiền lãi tạm tính đến hiện tại là 17 tháng, tương ứng số tiền: 254.938.000đ (hai trăm năm mươi bốn triệu chín trăm ba mươi tám nghìn đồng).

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn Công ty TNHH M phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 76.765.240đ (bảy mươi sáu triệu bảy trăm sáu mươi lăm nghìn hai trăm bốn mươi đồng). Làm tròn số: 76.765.000đ (bảy mươi sáu triệu bảy trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

Trả lại Nguyên đơn Công ty TNHH 1TV T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 40.932.000đ (bằng chữ: bốn mươi triệu, chín trăm ba mươi hai ngàn đồng), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005348 ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự.
- Chi cục THADS huyện Bình Liêu.
- TAND tỉnh Quảng Ninh.
- VKSND huyện Bình Liêu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Lưu hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Ngô Văn Thắng